| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 365/2023/DS-PT
Ngày: 22 – 9 – 2023
V/v: "Tranh chấp QSDĐ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Phạm Văn Tâm.

*Các Thẩm phán:* ông Hồ Văn Cường; bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

***- Thư ký phiên tòa***: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, về: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* ông Phan Văn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp TH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*2. Bị đơn:* bà Phan Thị K, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phan Chí Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*4. Người kháng cáo:* ông Phan Văn C – nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn C trình bày:*

Ông là anh ruột bà K. Năm 1979-1982, ông có khai phá được phần đất diện

tích 1851,6 $m^2$, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 1993-1994, do mâu thuẫn với cha mẹ nên ông bỏ nhà đi qua xã An Bình sống (trước là xã Thanh Điền). Phần đất tranh chấp do cha mẹ quản lý. Sau đó, cha mẹ sống ly thân, mẹ ông giao cho cha ông số tiền 15.000.000 đồng để mẹ ông quản lý toàn bộ phần đất này, mẹ ông là cụ Lâm Thị H đã kê khai toàn bộ phần đất của ông và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) nhưng ông không biết. Sau đó, cụ H tặng cho bà K và bà K đã được cấp GCNQSDĐ. Đến khi bà K làm hồ sơ cấp lại GCNQSDĐ, phải ký tứ cận nên ông mới biết việc kê khai và được cấp GCNQSDĐ của bà K.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị K trả lại phần đất diện tích 1851,6 $m^2$ nêu trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị K trình bày:*

Phần đất ông C tranh chấp với bà có nguồn gốc của cha mẹ bà là cụ Phan Văn B và cụ Lâm Thị H khai khẩn sau năm 1975 và tặng cho bà từ năm 2006, bà được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp GCNQSDĐ số H00843. Bà sử dụng đất này liên tục từ khi được cha mẹ cho đến thời gian gần đây thì cho ông Tr thuê sản xuất. Do GCNQSDĐ của bà bị mất, bà làm thủ tục xin cấp lại giấy mới, phải đo lại đất và ký tứ cận thì ông C không ký, ông cho rằng đất này của ông và khởi kiện tranh chấp. Cha mẹ bà có 10 người con, khi cho đất cha mẹ đều cho hết tất cả các con, trong đó có cả bà và ông C mỗi người 2000 $m^2$ ông C đăng ký và được cấp GCNQSDĐ.

Nay bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Chí Tr trình bày:*

Ông là em ruột của bà K và ông C. Hiện nay ông đang thuê phần đất của bà K để trồng đậu bắp, trên phần đất này ông có dựng 01 nhà kho tạm trên đất để cất phân bón, thuốc trừ sâu. Do chị em ruột với nhau nên không có làm hợp đồng thuê đất, chỉ nói miệng với nhau. Ông xác định phần đất ông C đang tranh chấp với bà K có nguồn gốc là đất của cha mẹ ông, sau này khi anh chị em lớn lên thì cha mẹ đều cho đất mỗi người khoảng 02 công đất, ai không lấy đất thì lấy tiền. Bà K cũng được cha mẹ tặng cho 02 công đất. Vì vậy, yêu cầu của ông C là không đúng, phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông tặng cho bà K.

Ông không có ý kiến về việc ông C kiện bà K và cũng không có ý kiến về hợp đồng thuê đất giữa anh và bà K. Sau này, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định;*

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 179 của Luật Đất đai; các Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều

26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C về việc buộc bà Phan Thị K trả lại phần đất diện tích 1851,6m$^2$, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 03/8/2023, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận khởi kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông C trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

* Trong phần tranh luận:

- Ông C trình bày: đất này ông khai phá đất rừng năm 1979, sau đó ông bỏ nhà đi nên giao cho mẹ ông quản lý, mẹ ông đăng ký sau đó cho bà K ông không biết, trước giờ ông cũng không sử dụng đất này và khi bà K nhờ ông ký chủ giáp ranh ông mới tranh chấp.

- Bà K trình bày: đất này cha mẹ bà khai phá và tặng cho bà năm 2006, bà sử dụng liên tục đến thời gian gần đây bà đi làm thuê mới cho ông Tr thuê sử dụng, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông C khởi kiện bà K yêu cầu trả diện tích đất 1851,6 m$^2$ thửa 116, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà K không đồng ý cho rằng đất này do cha mẹ bà tặng cho bà, bà đi kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ.

[3] Xét kháng cáo của ông C thấy rằng: ông C cho rằng đất tranh chấp do ông khai phá từ năm 1979, sau đó giao cho mẹ ông rồi bỏ nhà đi, mẹ ông đăng

ký và tặng cho bà K. Lời trình bày của ông C là không có cơ sở, vì năm 1979 ông mới 14 tuổi, từ trước đến nay ông không sử dụng đất này, không tranh chấp với bà K mặc dù ông có đất giáp ranh với đất tranh chấp, đất này do bà K là người trực tiếp sử dụng và hiện nay cho ông Tr thuê sản xuất, do bà K làm lại giấy đất nhờ ông ký chủ giáp ranh nên ông mới tranh chấp. Mặt khác, theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thì năm 2006 bà K được cha mẹ tặng cho 04 thửa đất 1044, 1045, 1319, 1320 tờ bản đồ số 02/299 trong đó thửa 1320 (tương ứng với thửa 116 tờ bản đồ số 32). Ngoài ra, ông C cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: số tiền 5.088.000 đồng do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông C phải chịu chi phí này; ghi nhận ông C đã nộp thanh toán xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn C;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; các điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C về việc buộc bà Phan Thị K trả lại phần đất diện tích 1851,6m$^2$, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: ấp BC, xã NĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa 317, Tây giáp thửa 250, Nam giáp thửa 263, Bắc giáp thửa 244 và đường đất nội bộ.

**2.** Về án phí: ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

theo Biên lai thu số 0017802 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ông Phan Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về chi phí tố tụng khác: ông Phan Văn C phải chịu số tiền 5.088.000 (năm triệu, không trăm tám mươi tám nghìn) đồng chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; ghi nhận ông C đã nộp xong.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0018960 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ông Phan Văn C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Văn Tâm**